TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 71/2022/DS-ST
Ngày: 12- 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tuấn.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP SGTT.

Địa chỉ: Lầu 8, số 266 -268 NKKN, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích Thanh T (có đơn xin vắng mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 1541/2020/UQ-TTT ngày 05/10/2020 của Ngân hàng TMCP SGTT).

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thái Bảo H, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Thường trú: 463B/53 CMTT, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT có bà Nguyễn Bích Thanh Tđại diện trình bày:

Ngày 20/9/2018, bà Dương Thái Bảo H và Ngân hàng TMCP SGTT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng SGTT) ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 436438 – 6650 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Áp dụng lãi suất theo từng thời kỳ, cụ thể:

Lãi suất 2.15%/tháng theo thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011.

Lãi suất 2.6%/tháng theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/08/2019.

Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 360.340.754 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín số tiền 322.800.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng bà H không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/3/2020 Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 57.859.131 đồng sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng SGTT yêu cầu Toà án buộc bà H phải trả ngay số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/4/2022 là 111.182.139 đồng (trong đó nợ gốc là 57.859.131 đồng và nợ lãi là 53.323.008 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 13/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bà H đến Toà để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng SGTT xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa ngân hàng với bà H, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình sử dụng thẻ bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu bị đơn bà Dương Thái Bảo H trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Bị đơn bà H có nơi cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Giấy ủy quyền số 1541/2020/UQ-TTT ngày 05/10/2020 của Ngân hàng TMCP SGTT ủy quyền cho bà Nguyễn Bích Thanh T tham gia tố tụng tại Toà án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, bà Nguyễn Bích Thanh T đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Dương Thái Bảo H đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/9/2018 của Ngân hàng TMCP SGTT với bà Dương Thái Bảo H được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc: Căn cứ bản sao kê do Ngân hàng cung cấp ngày 12/4/2022 của Ngân hàng SGTT cho thấy bà H đã giao dịch bằng thẻ tín dụng số 436438-6650 từ ngày 05/10/2018 đến ngày 05/11/2019. Ngày 06/3/2020 Ngân hàng SGTT đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà H do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại Điều 23 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng có quy định *"Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên*

đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán". Như vậy, bà H không thanh toán số tiền còn lại đã vi phạm thoả thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H phải thanh toán số tiền nợ gốc.

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Theo Điều 22 và Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng SGTT áp dụng tính lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng quốc tế mà bà H đang sử dụng là *"áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại"*, như vậy theo thoả thuận bà H phải chịu lãi suất 3.9%/tháng (150% x 2.6%/tháng). Nguyên đơn yêu cầu bà H trả tiền lãi quá hạn kể từ ngày 06/03/2020 đến ngày 12/4/2022 là 53.323.008 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 13/4/2022 cho đến khi bà H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/9/2018 và Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng SGTT.

Do thời hạn bà H không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng SGTT đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Dương Thái Bảo H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền là 111.182.139 (Một trăm mười một triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, một trăm ba mươi chín) đồng, trong đó nợ gốc là 57.859.131 (Năm mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, một trăm ba mươi mốt) đồng và tiền lãi là 53.323.008 (Năm mươi ba triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, không trăm lẻ tám) đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 13/4/2022 cho đến khi bà H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/9/2018 và Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng SGTT.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm là 5.559.107 (Năm triệu năm trăm năm mươi chin nghìn, một trăm lẻ bảy) đồng, bà Dương Thái Bảo H phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.757.000 đồng (Một triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0019404 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Lan